

Số: 378/TTr-CNTG

Tiền Giang, ngày 19 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH
V/v công bố thông tin định kỳ

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang.

Thực hiện Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 04/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

Thực hiện Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND tỉnh Tiền Giang phê duyệt Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2025 của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước Tiền Giang, Công ty kính đề nghị Chủ sở hữu Công ty công bố các thông tin định kỳ của Doanh nghiệp theo quy định, các phụ lục kèm theo bao gồm:

1. Báo cáo mục tiêu tổng quát, kế hoạch kinh doanh năm 2025 (Biểu số 2).
2. Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 (Biểu số 3).

Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang kính báo.

(Đính kèm các phụ lục báo cáo theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ).

Nơi nhận:

- Như trên;
- BLĐ Công ty;
- Lưu: VT, KHKD (Tuyên)



Hồ Hữu Nhân

PHỤ LỤC II (Biểu số 2)
BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH
KINH DOANH NĂM 2025

*(Đã được UBND tỉnh Tiền Giang phê duyệt tại
Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 17/3/2025)*

UBND TỈNH TIỀN GIANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

MST: 1200100814

Số: 379/BC-CNTG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

Trong năm 2025, Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang tập trung vào một số nhiệm vụ chính:

- Đảm bảo chất lượng và sản lượng nước cấp cho người dân. Tỷ lệ phục vụ đạt 99,80% hộ dân ở đô thị và đạt 97,10% hộ dân ở nông thôn trong vùng phục vụ cấp nước của Công ty.

- Tiếp tục hiện đại hóa công tác ghi, thu tiền nước, đa dạng hóa các hình thức thanh toán tiền nước. Trong đó tỷ lệ thu tiền nước không dùng tiền mặt qua các ngân hàng, trung gian thanh toán, mạng viễn thông với tỷ lệ dự kiến từ 40% trên tổng số khách hàng của Công ty.

- Tỷ lệ thất thoát nước đảm bảo theo lộ trình của Chính phủ.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

1. Các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh năm 2025

a) Chỉ tiêu sản lượng nước chủ yếu:

- Sản lượng phát nước sạch: 60.876.945 m³, tăng 1,88%. Trong đó: Sản lượng tiếp nhận nước từ Nhà máy nước Đồng Tâm: 21.900.000 m³ (bình quân 60.000 m³/ngày đêm), tăng 9,01%; Sản lượng tiếp nhận nước từ Nhà máy nước Hòa Hưng: 1.606.000 m³, tăng 5,17%; Sản lượng nước tự sản xuất: 37.370.945 m³, giảm 2,01% (do vùng phía Đông tăng sản lượng tiếp nhận từ nhà máy Đồng Tâm).

- Sản lượng nước máy tiêu thụ: 51.751.491 m³, tăng 3%.

- Tỷ lệ thất thoát nước: 14,99%.

b) Chỉ tiêu tài chính:

- Tổng doanh thu: 528,404 tỷ đồng, tăng 19,66%.

- Tổng chi phí: 488,358 tỷ đồng, tăng 15,99%.

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 40,047 tỷ đồng, tăng 94,99%.

- Tổng lợi nhuận sau thuế: 32,037 tỷ đồng, tăng 90,68%.

- Thuế và các khoản nộp ngân sách: 28 tỷ đồng, tăng 1,82%.

- Vốn Chủ sở hữu: 602,205 tỷ đồng.

c) Kế hoạch đầu tư: 143,276 tỷ đồng, tăng 52,98%.

d) Tổng lao động: 471 người, tăng 3,29%.

đ) Tổng quỹ lương: 76,615 tỷ đồng, giảm 10,68%. Trong đó, tổng quỹ lương người lao động: 74,994 tỷ đồng.

BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chính		
a)	Sản lượng phát nước sạch, trong đó:	Triệu m ³	60,877
	<i>Nhận từ nhà máy nước Đồng Tâm</i>	<i>Triệu m³</i>	<i>21,900</i>
	<i>Nhận từ nhà máy nước Hòa Hưng</i>	<i>Triệu m³</i>	<i>1,606</i>
	<i>Sản lượng nước tự sản xuất</i>	<i>Triệu m³</i>	<i>37,371</i>
b)	Sản lượng nước máy tiêu thụ	Triệu m ³	51,751
c)	Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,99
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích		
3	Tổng doanh thu, trong đó:	Tỷ đồng	528,404
	<i>Doanh thu từ hoạt động cấp nước</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>520,309</i>
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	40,047
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	32,037
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	28,000
7	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	143,276
8	Kim ngạch xuất khẩu		
9	Chỉ tiêu khác		

2. Kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp trong năm (tên dự án nhóm B trở lên, nguồn vốn, tổng mức đầu tư...)

TT	Tên dự án	Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư

Nơi nhận:

- Như trên;
- BLD Công ty;
- Lưu: VT, KHKD (Tuyền) *WV*



Hồ Hữu Nhân

PHỤ LỤC II (Biểu số 3)
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

UBND TỈNH TIỀN GIANG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

MST: 1200100814

Số: 380/BC-CNTG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao năm 2024

- Đảm bảo chất lượng và sản lượng nước cấp cho người dân. Trong năm 2024, số hộ sử dụng nước tại khu vực đô thị đạt tỷ lệ phục vụ 99,77%, khu vực nông thôn đạt tỷ lệ phục vụ 96,75% trong vùng phục vụ cấp nước của Công ty.

- Hiện đại hóa công tác ghi thu tiền nước, đa dạng hóa các hình thức thanh toán tiền nước; trong đó, tỷ lệ thu tiền nước không dùng tiền mặt qua các ngân hàng, trung gian thanh toán, mạng viễn thông đạt tỷ lệ trên 30%.

- Tỷ lệ thất thoát nước đảm bảo theo lộ trình của Chính phủ.

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

a) Thuận lợi:

Kinh tế Việt Nam nói chung và tỉnh Tiền Giang nói riêng được đánh giá tích cực nhờ sự phục hồi của tiêu dùng nội địa, xuất nhập khẩu hàng hóa và việc đẩy mạnh đầu tư công, gia tăng nguồn vốn đầu tư nước ngoài sẽ có sự phát triển ổn định, có sự tăng trưởng tích cực.

Công ty được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang trong điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, định hướng các chiến lược phát triển của Công ty.

Sự đoàn kết, thống nhất trong chỉ đạo điều hành của Ban Lãnh đạo Công ty, đội ngũ cán bộ quản lý và sự tích cực, hiệu quả, tinh thần trách nhiệm trong công việc của tập thể nhân viên, người lao động toàn Công ty.

Sự hỗ trợ, tạo điều kiện từ các sở, ngành về quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp và người dân trên địa bàn phục vụ cấp nước góp phần để Công ty ổn định hoạt sản xuất, kinh doanh.

b) Khó khăn:

Tình hình xâm nhập mặn mùa khô năm 2023 – 2024 trên địa bàn tỉnh đến sớm hơn, lấn sâu hơn so với trung bình nhiều năm đã ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nước thô cấp cho nhà máy nước Mỹ Tho, nhà máy nước Bình Đức và nhà máy nước Đồng Tâm; chi phí sản xuất nước tăng cao do các khoản chi phí bất thường. Nhu cầu sử dụng nước cho nhiều mục đích của người dân trên địa bàn các huyện, thành phố phía Đông của tỉnh tăng cao đột biến đã gây áp lực lớn đến năng lực cấp nước sinh hoạt của Công ty.

Giá nước điều chỉnh của Công ty được phê duyệt ban hành vào kỳ hóa đơn tháng 11 năm 2024, tuy nhiên kịch bản xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 dự kiến giá nước điều chỉnh vào kỳ hóa đơn tháng 6 năm 2024. Do đó, ảnh hưởng đến việc thực hiện chỉ tiêu doanh thu không đạt theo Kế hoạch.

Việc phân vùng cấp nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang chưa được rõ ràng, có sự chồng lấn thị trường tiêu thụ giữa các đơn vị cấp nước. Nhiều vùng ven đô thị, người dân có nhu cầu sử dụng nước của Công ty nhưng không được đáp ứng do đã có các doanh nghiệp tư nhân cấp nước, từ đó ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển mạng lưới cấp nước của Công ty.

Nguồn nước mặt ngày càng ô nhiễm làm gia tăng chi phí sản xuất. Hệ thống mạng lưới cấp nước đã xuống cấp, nằm trên địa bàn phức tạp, dễ bị rò rỉ dẫn đến tỷ lệ thất thoát cao, đặc biệt tại các vùng nông thôn. Nhu cầu cải tạo, nâng cấp hệ thống mạng lưới đường ống hiện hữu, đầu tư mạng lưới đường ống phân phối còn rất lớn nhưng năng lực tài chính Công ty có hạn.

Các công trình thi công nâng cấp, mở rộng đường, vỉa hè, Công ty phải triển khai thi công di dời đường ống cấp bách, bị động, không có sự chuẩn bị và phụ thuộc vào công tác giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng gây vỡ đường ống thường xuyên, thất thoát nước và tốn nhiều chi phí di dời tạm thời; phần lớn công trình chưa được hỗ trợ chi phí đầu tư, di dời.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Sản lượng phát nước sạch	Triệu m ³	57,666	59,755	
b)	Sản lượng nước máy tiêu thụ	Triệu m ³	48,478	50,244	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	468,719	441,588	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	23,804	20,537	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	19,043	16,802	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	25,000	27,500	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người	471	456	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	78,790	85,778	

Lưu ý:

(*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Dự án quan trọng quốc gia							
Dự án nhóm A							
Dự án nhóm B							

2. Các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

[illegible]

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									

Nơi nhận:

- Như trên;
- BLĐ Công ty;
- Lưu: VT, KHKD (Tuyên)

**CHỦ TỊCH****Hồ Hữu Nhân**